

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)

Câu 1. Bốn đảo lớn nhất của Nhật Bản theo thứ tự từ bắc xuống nam là

- A. Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư, Kiu-xiu. B. Hôn-su, Hô-cai-đô, Kiu-xiu, Xi-cô-cư.
C. Kiu-xiu, Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư. D. Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư, Kiu-xiu.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

BẢNG 1: GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NHẬT BẢN QUA CÁC NĂM

Đơn vị: tỉ USD

NĂM	1990	1995	2000	2001	2004
Xuất khẩu	287.6	443.1	479.2	403.5	565.7
Nhập khẩu	235.4	335.9	379.5	349.1	454.5

So với 1990 thì năm 2004 Nhật Bản xuất siêu hơn

- A. 59 tỉ USD. B. 278.1 tỉ USD. C. 219 tỉ USD. D. 2,1 tỉ USD.

Câu 3. Dựa vào bảng 1, yêu cầu vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng giá trị xuất nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm thì dạng biểu đồ thích hợp là

- A. Cột. B. Đường. C. cột ghép. D. miền.

Câu 4. Nhận xét đúng về sản lượng khai thác cá của Nhật Bản trong thời kỳ 1985-2003 là

- A. sản lượng cá liên tục giảm và giảm mạnh.
B. sản lượng cá giảm mạnh và có biến động.
C. sản lượng cá tăng liên tục nhưng còn tăng chậm.
D. sản lượng cá tăng nhưng còn biến động.

Câu 5. Đảo Kiu-xiu có kiểu khí hậu

- A. cận nhiệt gió mùa. B. cận nhiệt hải dương.
C. cận nhiệt lục địa. D. ôn đới gió mùa.

Câu 6. Củ cải đường chỉ được trồng ở vùng kinh tế/đảo

- A. Hô-cai-đô. B. Hôn-su. C. Xi-cô-cư. D. Kiu-xiu.

Câu 7. Cây trồng chiếm diện tích lớn nhất ở Nhật Bản là

- A. lúa gạo. B. lúa mì. C. Ngô. D. tơ tằm.

Câu 8. Các bạn hàng thương mại quan trọng nhất của Nhật Bản là

- A. Hoa Kỳ, Canada, Ấn Độ, Braxin, Đông Nam Á.
B. Hoa Kỳ, Ấn Độ, Braxin, EU, Canada.
C. Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, Đông Nam Á, Ôxtrâyliia.
D. Hoa Kỳ, Trung Quốc, CHLB Nga, EU, Braxin.

Câu 9. Vùng kinh tế/đảo Hôn-su KHÔNG có đặc điểm nổi bật là

- A. diện tích rộng lớn nhất. B. dân số đông nhất.
C. diện tích rừng lớn nhất. D. kinh tế phát triển nhất.

Câu 10. Sản xuất các sản phẩm nổi bật trong ngành công nghiệp điện tử của Nhật bản KHÔNG phải là hãng

- A. Sony. B. Toshiba. C. Toyota. D. Hitachi.

Câu 11. Ngành công nghiệp được coi là ngành mũi nhọn của nền công nghiệp Nhật Bản là

- A. công nghiệp chế tạo máy.
B. công nghiệp sản xuất điện tử.
C. công nghiệp xây dựng và công trình công cộng.
D. công nghiệp dệt, sợi vải các loại.

Câu 12. Ngành công nghiệp của Nhật Bản chiếm khoảng 41% sản lượng xuất khẩu của thế giới là

- A. sản xuất Ô tô. B. sản xuất Tàu biển.
C. Xe gắn máy. D. Sản phẩm tin học.

Câu 13. Trong thời gian từ 1950 đến 1973, nền kinh tế Nhật Bản phát triển với tốc độ thấp nhất vào giai đoạn

- A. 1950 - 1954. B. 1955 - 1959. C. 1960 - 1964. D. 1965 - 1969.

Câu 14. Năng xuất lao động xã hội ở Nhật Bản cao là do người lao động

- A. luôn độc lập suy nghĩ và sáng tạo trong lao động.
B. làm việc tích cực vì sự hùng mạnh của đất nước.
C. thường xuyên làm việc tăng ca và tăng cường độ lao động.
D. làm việc tích cực, tự giác, tinh thần trách nhiệm cao.

Câu 15. Từ bảng số liệu sau

BẢNG 2. SỰ BIẾN ĐỘNG CƠ CẤU DÂN SỐ THEO ĐỘ TUỔI NHẬT BẢN

	1950	1970	1997	2005
Dưới 15 tuổi (%)	35,4	23,9	15,3	13,9
Từ 15 đến 64 tuổi (%)	59,6	69,0	69,0	66,9
65 tuổi trở lên (%)	5,0	7,1	15,7	19,2
Số dân (triệu người)	83,0	104,0	126,0	127,7

Dân số từ 65 tuổi trở lên của Nhật bản năm 2005 là

- A. 17,7 triệu người. B. 85,4 triệu người. C. 24,5 triệu người. D. 44,7 triệu người.

Câu 16. Dựa vào bảng 2 thì năm 2005 so với năm 1950 số người dưới 15 tuổi giảm

- A. 11,6 triệu người. B. 21,5 triệu người. C. 39,2 triệu người. D. 27,7 triệu người.

Câu 17. Nhận xét KHÔNG chính xác về đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản là

- A. địa hình chủ yếu là đồi núi. B. đồng bằng nhỏ, hẹp nằm ven biển.

C. sông ngòi ngắn và dốc.

D. than đá có trữ lượng lớn.

Câu 18. Nhận xét ĐÚNG về tốc độ tăng trưởng GDP của nền kinh tế Nhật Bản từ sau năm 1991 là:

A. Tăng trưởng ổn định và luôn ở mức cao.

B. Tăng trưởng cao nhưng còn biến động.

C. Tăng trưởng chậm lại nhưng vẫn ở mức cao.

D. Tăng trưởng chậm lại, có biến động và ở mức thấp.

Câu 19. Trong các ngành dịch vụ của Nhật Bản, hai ngành có vai trò hết sức to lớn là

A. thương mại và du lịch.

B. thương mại và tài chính.

C. tài chính và du lịch.

D. tài chính và giao thông vận tải.

Câu 20. Rừng bao phủ phần lớn diện tích là đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế/đảo

A. Hô-cai-đô.

B. Hôn-su.

C. Xi-cô-cư.

D. Kiu-xiu.

Câu 21. Diện tích tự nhiên của Nhật Bản là

A. 338 nghìn km².

B. 378 nghìn km².

C. 387 nghìn km².

D. 738 nghìn km².

Câu 22. Đặc điểm KHÔNG ĐÚNG với ngành công nghiệp Nhật Bản là:

A. Giá trị công nghiệp đứng thứ hai thế giới.

B. Sản phẩm phần lớn phục vụ cho xuất khẩu.

C. Sản lượng tơ tằm đứng đầu thế giới.

D. Chiếm 90% số robot của toàn thế giới.

Câu 23. Rừng của Liên Bang Nga phân bố tập trung ở

A. phần lãnh thổ phía Tây.

B. vùng núi U-ran.

C. phần lãnh thổ phía Đông.

D. Đồng bằng Tây Xi bia.

Câu 24. Thương mại Nhật Bản đứng thứ tư thế giới sau các nước nào sau đây?

A. Pháp, Đức, Trung Quốc.

B. Anh, Đức, Pháp.

C. Hoa Kỳ, Đức, Trung Quốc.

D. Trung Quốc, Hoa Kỳ, Anh.

II. PHẦN TỰ LUẬN (4,0 điểm)

Câu 1. Trình bày đặc điểm nổi bật của nền nông nghiệp Nhật Bản. Tại sao diện tích đất trồng lúa gạo của Nhật Bản giảm?

Câu 2. Nhận xét và giải thích về đặc điểm phân bố công nghiệp của Nhật Bản.

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	A	B	A	A	A	A	C	C	C	B	B

Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Đáp án	B	D	C	A	D	D	B	A	B	D	C	C

II. PHẦN TỰ LUẬN (4,0 điểm)

Câu 1: Trình bày đặc điểm nổi bật của nền nông nghiệp Nhật Bản? Tại sao diện tích đất trồng lúa gạo của Nhật Bản giảm?

Trả lời

a) Đặc điểm nổi bật của nền nông nghiệp Nhật Bản.

- Nông nghiệp có vai trò thứ yếu trong nền kinh tế Nhật Bản
- Tỷ trọng nông nghiệp trong GDP chỉ chiếm khoảng 1%
- Diện tích đất nông nghiệp ít, chỉ chiếm khoảng 14% lãnh thổ.
- Nền nông nghiệp phát triển theo hướng thâm canh.

b) Diện tích đất trồng lúa gạo của Nhật Bản giảm là do quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh, đất nông nghiệp ít lại bị chuyển đổi thành đất chuyên dụng và đất ở.

Câu 2: Nhận xét và giải thích về đặc điểm phân bố công nghiệp của Nhật Bản?

Trả lời

a) Đặc điểm

- Công nghiệp Nhật Bản phân bố không đồng đều
- Tập trung chủ yếu trên đảo Hôn-su và vùng ven biển

b) Giải thích

- Do điều kiện phát triển công nghiệp phân bố không đều
- Đảo Hôn-su có diện tích lớn nhất, kinh tế phát triển và dân cư tập trung đông đặc biệt lao động có kỹ thuật
- Phân bố ven biển vì đa phần lãnh thổ Nhật Bản là đồi núi, gần biển để thuận lợi cho việc cung cấp nguyên liệu và xuất khẩu hàng hóa.

uigeli.xyz ĐỀ 2	ĐỀ THI HỌC KỲ II Môn: Đại Lí Lớp 11 <i>Thời gian: 45 phút</i>
---------------------------	---

Câu 1: Khó khăn thường xuyên và lớn nhất trong việc phát triển công nghiệp ở Nhật Bản là:

- A. Nguyên, nhiên liệu phần lớn nhập từ nước ngoài
- B. Chi phí sản xuất cao, khó cạnh tranh
- C. Sự cạnh tranh của các nước công nghiệp khác
- D. Thiếu nguồn lao động trẻ, có trình độ

Câu 2: Ranh giới phân chia tự nhiên Trung Quốc thành hai miền Đông, Tây là:

- A. Kinh tuyến 120°
- B. Sông Trường Giang
- C. Dãy núi Hymalaya
- D. Kinh tuyến 105°

Câu 3: Ý nào sau đây **không đúng** về điều kiện tự nhiên Nhật Bản?

- A. Có nhiều sông ngắn, dốc, giá trị thủy điện lớn
- B. Khí hậu có sự thay đổi từ Bắc xuống Nam
- C. Đồng bằng ven biển có diện tích rộng, phù sa màu mỡ
- D. Chiếm phần lớn diện tích là núi trung bình, thấp

Câu 4: Về kinh tế đối ngoại, Nga là nước có

- A. cán cân thương mại không ổn định
- B. nhập khẩu luôn lớn hơn xuất khẩu

C. tổng kim ngạch thương mại liên tục tăng D. giá trị thương mại không lớn

Câu 5: Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với kinh tế LB Nga?

A. Khai thác dầu khí là ngành mũi nhọn B. Sản lượng nông sản đứng thứ hai thế giới

C. Kinh tế đối ngoại là ngành khá quan trọng D. Các ngành dịch vụ đang phát triển mạnh

Câu 6: Trung Quốc có hai đặc khu hành chính là

A. Hồng Công và Ma Cao

B. Đài Loan và Hồng Công

C. Ma Cao và Đài Loan

D. Thượng Hải và Trùng Khánh

Câu 7: Sản xuất nông nghiệp của Liên bang Nga có đặc điểm?

A. Diện tích đất nông nghiệp không lớn

B. Sản xuất hàng hóa, nhưng không phục vụ xuất khẩu

C. Phát triển cả trồng trọt và chăn nuôi

D. Nông nghiệp phát triển với trình độ thâm canh chưa cao

Câu 8: Bốn thành phố trực thuộc trung ương của Trung Quốc là:

A. Bắc Kinh, Thượng Hải, Thiên Tân, Trùng Khánh

B. Bắc Kinh, Trùng Khánh, Thượng Hải, Quảng Châu

C. Bắc Kinh, Nam Kinh, Thượng Hải, Thiên Tân

D. Bắc Kinh, Nam Kinh, Thượng Hải, Trùng Khánh

Câu 9: Nông nghiệp của Nhật Bản chỉ giữ vai trò thứ yếu là do:

A. Môi trường bị ô nhiễm, nhất là môi trường đất

B. Thiếu hụt lao động ở nông thôn

C. Diện tích đất canh tác hạn chế

D. Thường xuyên bị tàn phá bởi các loại thiên tai

Câu 10: Trung Quốc có vị trí thuộc

A. khu vực Bắc Á

B. khu vực Trung Á

C. khu vực Đông Á

D. khu vực Đông Nam Á

Câu 11: Nhật Bản là nước nghèo khoáng sản gây khó khăn cho phát triển

A. dịch vụ

B. thương mại

C. nông nghiệp

D. công nghiệp

Câu 12: Nhật Bản duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng là:

- A. Vừa phát triển các xí nghiệp lớn, vừa duy trì các xí nghiệp nhỏ, thủ công
- B. Vừa phát triển công nghiệp, vừa phát triển nông nghiệp
- C. Vừa nhập nguyên liệu, vừa xuất sản phẩm
- D. Vừa phát triển kinh tế trong nước, vừa đẩy mạnh kinh tế đối ngoại

Câu 13: Vùng biển Nhật Bản có nhiều ngư trường lớn là do:

- A. Nằm trong khu vực có khí hậu gió mùa, mưa nhiều
- B. Có dòng biển nóng và dòng biển lạnh giao nhau
- C. Có đường bờ biển kéo dài
- D. Có nhiều đảo lớn và hàng nghìn đảo nhỏ

Câu 14: Đặc điểm nổi bật nhất của bờ biển Nhật Bản

- A. Khúc khuỷu, bị cắt xẻ mạnh, tạo nhiều vũng, vịnh
- B. Là một dải liên tục, ít bị cắt xẻ
- C. Được bồi đắp phù sa tạo nhiều đồng bằng rộng lớn
- D. Bờ biển ngắn, thường xuyên bị sạt lở, xói mòn

Câu 15: Sông ngòi Nhật Bản ngắn dốc thuận lợi cho

- A. phát triển nông nghiệp
- B. đánh bắt thủy sản
- C. xây dựng nhà máy thủy điện
- D. giao thông đường thủy

Câu 16: Liên bang Nga là cường quốc công nghiệp

- A. điện tử, tin học
- B. vũ trụ, nguyên tử
- C. điện lực
- D. luyện kim

Câu 17: Ngành công nghiệp mũi nhọn, hàng năm mang lại nhiều ngoại tệ của Nga là ngành:

- A. Công nghiệp luyện kim
- B. Khai thác quặng kim loại
- C. Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản
- D. Khai thác dầu khí

Câu 18: Trong hợp tác kinh tế, lĩnh vực mà Nga và Việt Nam hợp tác nhiều nhất là:

- A. Xây dựng các công trình thủy lợi ở miền Nam
- B. Khai thác quặng kim loại ở miền Bắc
- C. Thiết kế và xây dựng các công trình công cộng
- D. Khai thác dầu và xây dựng các nhà máy lọc dầu

Câu 19: Đặc điểm nào sau đây **không đúng** về tự nhiên của miền Tây Trung Quốc?

- A. Khí hậu ôn hòa, là điều kiện thuận lợi cho phân bố dân cư
- B. Rừng, đồng cỏ có diện tích lớn tạo điều kiện phát triển chăn nuôi
- C. Địa hình chủ yếu là núi cao, cao nguyên, sơn nguyên
- D. Thượng nguồn của nhiều sông lớn, có giá trị thủy điện

Câu 20: Trong hệ thống giao thông vận tải nội địa của LB Nga, loại hình giao thông có ý nghĩa quan trọng hàng đầu là:

- A. Đường sông
- B. Đường ô tô
- C. Đường sắt
- D. Đường hàng không

Câu 21: Năm ngành công nghiệp trụ cột trong chính sách công nghiệp mới của Trung Quốc là:

- A. Chế tạo máy, điện tử, dệt may, sản xuất ô tô, xây dựng.
- B. Chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất máy bay, xây dựng.
- C. Chế tạo máy, chế biến gỗ, hóa dầu, sản xuất ô tô, xây dựng.
- D. Chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô, xây dựng.

Câu 22: Quan hệ Nga- Việt trong thập niên 90(thế kỉ XX) được nâng lên tầm cao mới của đối tác

chiến lược là đối tác

- A. song phương
- B. chiến lược toàn diện
- C. toàn diện
- D. chiến lược

- Câu 23:** Giá trị sản lượng công nghiệp của Nhật Bản đứng thứ hai thế giới, sau
 A. Đức B. Hoa Kỳ C. Pháp D. Anh
- Câu 24:** Phát biểu nào sau đây đúng nhất về đặc điểm ngành dịch vụ của Nhật Bản:
 A. Bán hàng buôn bán của Nhật Bản chủ yếu là các nước đang phát triển.
 B. Nhật Bản đứng hàng thứ nhất thế giới về thương mại.
 C. Ngành giao thông vận tải biển đứng hàng thứ tư thế giới.
 D. Nhật Bản là nước có ngành tài chính, ngân hàng đứng hàng đầu thế giới.
- Câu 25:** Từ những năm 1990 trở lại đây tốc độ tăng trưởng kinh tế Nhật Bản chậm lại là do:
 A. Sự cạnh tranh của các nền kinh tế khác B. Đường lối phát triển kinh tế không đúng
 C. Tập trung phát triển nông nghiệp D. Hậu quả sau chiến tranh thế giới
- Câu 26:** Các trung tâm công nghiệp lớn của Trung Quốc phân bố tập trung chủ yếu ở miền
 A. Nam. B. Bắc. C. Tây D. Đông
- Câu 27:** Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất trong giai đoạn nào sau đây?
 A. 1986 - 1990 B. 1979 - 1980 C. 1973 - 1974 D. Từ 1991 đến nay
- Câu 28:** Từ Bắc xuống Nam Trung Quốc lần lượt có các đồng bằng :
 A. Đông Bắc, Hoa Trung, Hoa Bắc, Hoa Nam
 B. Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam
 C. Hoa Trung, Hoa Nam, Hoa Bắc, Đông Bắc
 D. Hoa Bắc, Đông Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam

B/ TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1: (1.0 Điểm)

Vì sao các trung tâm công nghiệp của Nhật Bản phân bố nhiều ở đảo Hôn su ?

Câu 2: (2.0 Điểm)

Cho bảng số liệu sau:

GDP CỦA TRUNG QUỐC VÀ THẾ GIỚI

(Đơn vị: Tỉ USD)

Năm	1985	2004
Trung Quốc	239,0	1649,3
Thế giới	12360,0	40887,8

(Nguồn: SGK Địa lí 11 trang 96)

- a. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu GDP của Trung Quốc so với thế giới ở hai năm trên.
 b. Qua biểu đồ nêu nhận xét.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

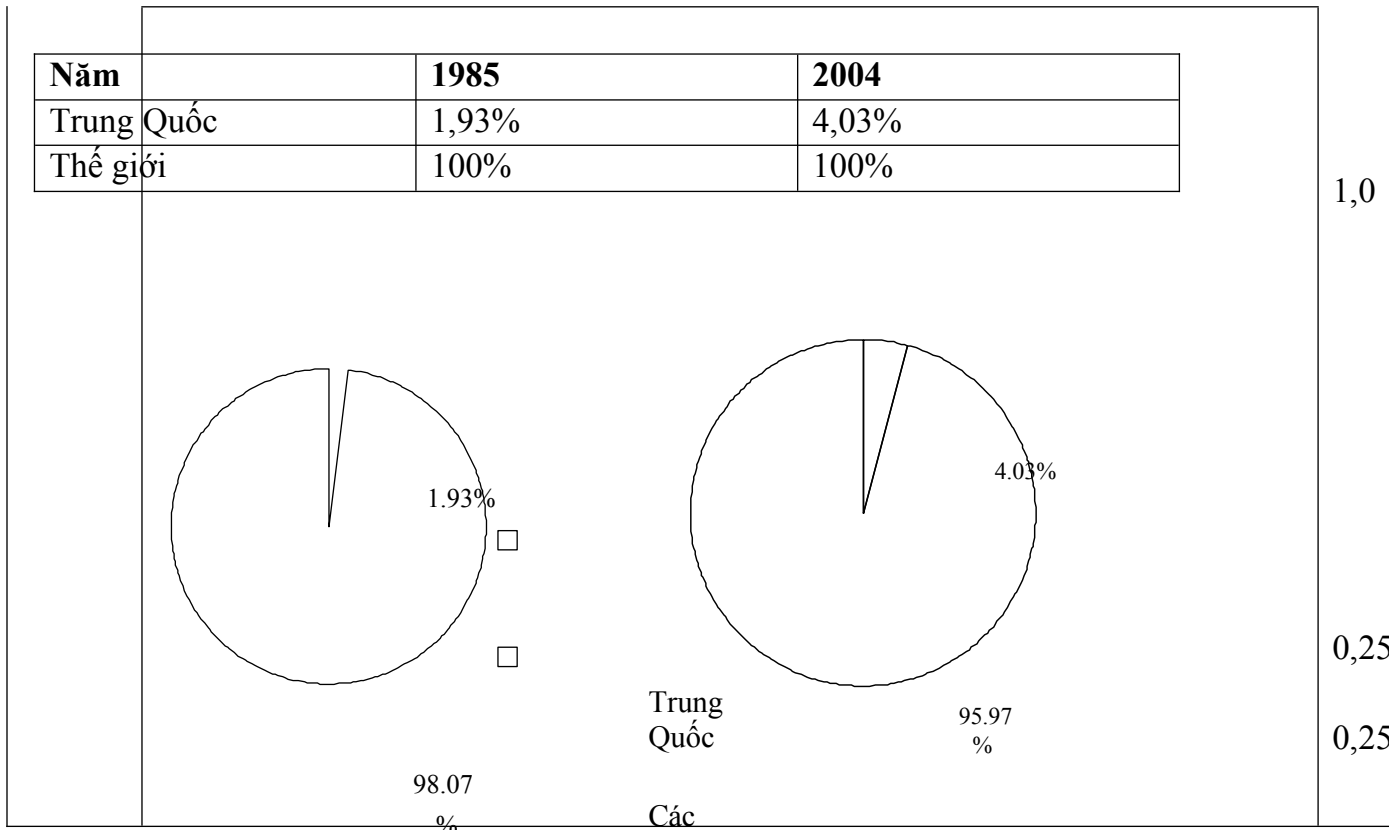
A. TRẮC NGHIỆM

Câu	ĐÁP ÁN
1	A
2	D
3	C
4	C
5	B

6	A
7	C
8	A
9	C
10	C
11	D
12	A
13	B
14	A
15	C
16	B
17	D
18	D
19	A
20	C
21	D
22	B
23	B
24	D
25	A
26	D
27	A
28	B

B/ TỰ LUẬN: 3,0 điểm

Câu	Đáp án	Thđ
Câu 1 (1 điểm)	Vì sao các trung tâm công nghiệp của Nhật Bản phân bố nhiều ở đảo Hôn su ? -Đảo Hôn su dân cư tập trung đông đúc (hoặc lao động dồi dào). -Có nhiều đô thị lớn, cơ sở hạ tầng phát triển -Diện tích rộng(đồng bằng lớn, nhiều tài nguyên thiên nhiên).	0,5 0,25 0,25
Câu 2 (2 điểm)	a/ Vẽ biểu đồ Xử lí số liệu	0,5



uigeli.xyz ĐỀ 3	ĐỀ THI HỌC KỲ II Môn: Đại Lí Lớp 11 <i>Thời gian: 45 phút</i>
---------------------------	---

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1. Diện tích tự nhiên của Trung Quốc đứng

- A. thứ hai thế giới sau Liên bang Nga. B. thứ ba thế giới sau Liên bang Nga và Canada.
C. thứ tư thế giới sau Liên bang Nga, Canada và Hoa Kỳ.
D. thứ năm thế giới sau Liên bang Nga, Canada, Hoa Kỳ và Braxin.

Câu 2. Khu vực Đông Nam Á nằm ở nơi tiếp giáp giữa hai đại dương nào?

- A. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương. B. Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.
C. Bắc Băng Dương và Thái Bình Dương. D. Bắc Băng Dương và Đại Tây Dương.

Câu 3. Trung Quốc có hai đặc khu hành chính nằm ở ven biển là

- A. Hồng Kông và Thượng Hải. B. Hồng Kông và Ma Cao.
C. Hồng Kông và Quảng Châu. D. Ma Cao và Thượng Hải.

Câu 4. Quốc gia duy nhất ở khu vực Đông Nam Á không có diện tích giáp biển.

- A. Lào. B. Mi-an-ma. C. Cam-pu-chia. D. Thái Lan.

Câu 5. Quốc gia có số dân đông nhất thế giới hiện nay là

- A. Hoa Kỳ B. Ấn Độ C. Trung Quốc D. Liên Bang Nga

Câu 6. Cây lương thực truyền thống và quan trọng của khu vực Đông Nam Á là

- A. Lúa mì. B. Ngô. C. Lúa gạo. D. Lúa mạch.

Câu 7. Nhật Bản nằm ở khu vực nào của châu Á?

- A. Đông Nam Á. B. Nam Á C. Đông Á. D. Bắc Á.

Câu 8: Khu vực Đông Nam Á hiện nay có tất cả bao nhiêu quốc gia?

- A. 8 B. 10 C. 11 D. 12

Câu 9.Đảo nào có diện tích lớn nhất Nhật Bản?

- A. Hô-cai-đô. B. Hôn-su . C. Kiu - xiu. D. Xi-cô-cur.

Câu 10.Đây là đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á biển đảo

- A. Ít đồng bằng, nhiều đồi, núi và núi lửa. B. Chủ yếu núi trung bình và núi thấp.
C. Có nhiều đồng bằng lớn được hình thành bởi phù sa sông.
D. Địa hình chia cắt mạnh bởi các dãy núi hướng tây bắc- đông nam.

Câu 11.Khu vực Đông Nam Á là cầu nối giữa hai lục địa nào?

- A. Lục địa Á và lục địa Âu. B. Lục địa Á-Âu và lục địa Phi.
C. Lục địa Á -Âu và lục địa Bắc Mỹ. D. Lục địa Á-Âu và lục địa Ô-xtrây-li-a.

Câu 12. Trung Quốc là một đất nước rộng được chia thành hai miền khác nhau, miền Tây của Trung Quốc có khí hậu gì?

- A. Khí hậu ôn đới hải dương. B. Khí hậu cận xích đạo.
C. Khí hậu cận nhiệt đới. D. Khí hậu ôn đới lục địa.

II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1.(4 điểm)

- a. Trình bày đặc điểm dân cư – xã hội Trung Quốc.
b. Nêu *mục tiêu chung* của ASEAN. Tại sao ASEAN lại nhấn mạnh đến sự ổn định?

Câu 3. (3 điểm) Cho bảng số liệu:

Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản

(Đơn vị: %)

Năm	1990	1997	1999	2003	2005
Tăng GDP	5,1	1,9	0,8	2,7	2,5

- a. Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1990- 2005.
b. Nhận xét tốc độ phát triển kinh tế Nhật Bản giai đoạn trên.

- Hết

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
C	B	B	A	C	C	C	C	B	A	D	D

Mỗi câu 0,25 điểm

II. PHẦN TỰ LUẬN

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
Câu 1 (4 điểm)	Đặc điểm dân cư – xã hội Trung Quốc:	
	- Số dân hơn 1,3 tỉ người (2005), đông nhất thế giới, chiếm 1/5 dân số thế giới. - Gia tăng dân số nhanh, gần đây đã giảm, chỉ còn 0,6% (2005) do chính sách mỗi gia đình chỉ có 1 con	0.5 0.25

	<ul style="list-style-type: none"> - Dân tộc: trên 50 dân tộc, chủ yếu là người Hán >90% - Phân bố dân cư không đều, đông đúc ở miền Đông, nhất là đồng bằng châu thổ, thưa thớt ở miền Tây - Tỷ lệ dân thành thị 37%, miền Đông là nơi tập trung nhiều thành phố lớn: Bắc Kinh, Thượng Hải... - Xã hội: chú trọng đầu tư cho giáo dục, tỷ lệ biết chữ cao gần 90%. <p>Là nơi có nền văn minh lâu đời nhiều đóng góp cho nhân loại (giấy, la bàn, thuốc súng...)</p>	<p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.5</p>
	<p>Mục tiêu chung của ASEAN:</p> <p>Đoàn kết, hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định, cùng phát triển.</p> <p>ASEAN nhấn mạnh đến sự ổn định vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các vấn đề về biên giới, đảo, đặc quyền kinh tế do nhiều nguyên nhân và hoàn cảnh lịch sử để lại trong khu vực ĐNÁ còn nhiều vấn đề rất phức tạp cần phải ổn định để đối thoại, đàm phán giải quyết một cách hòa bình. + Mỗi quốc gia trong khu vực từng thời kì, giai đoạn lịch sử khác nhau đều đã chịu ảnh hưởng của sự mất ổn định nên đã nhận thức đầy đủ, thống nhất cao về sự cần thiết phải ổn định. + Tại thời điểm hiện nay, sự ổn định khu vực sẽ không tạo cơ để các thế lực bên ngoài can thiệp vào công việc nội bộ của khu vực. 	<p>1.0</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.5</p>
Câu 2 (3 điểm)	<p>a. Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1990 - 2005.</p> <p><i>Yêu cầu: chính xác, thẩm mỹ, đầy đủ thông tin, biểu đồ khác không cho điểm</i></p>	1.5

	b. Nhận xét - Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1990-2005 có xu hướng giảm (dc) - Tốc độ tăng GDP không đều: + Giai đoạn 1990-1999, 2003-2005 giảm (dc) + Giai đoạn 1999-2003 tăng (dc)	0.5
		0.5
		0.5
	Tổng: 10 điểm	

uigeli.xyz ĐỀ 4	ĐỀ THI HỌC KỲ II Môn: Đại Lí Lớp 11 <i>Thời gian: 45 phút</i>
---------------------------	---

I/ TRẮC NGHIỆM:

Câu 1. Liên bang Nga là một thành viên đóng vai trò chính trong sự phát triển của Liên Xô trước đây *không* được thể hiện ở

- A. Có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.
 B. Nhiều ngành công nghiệp đứng đầu thế giới.
 C. chiếm tỉ trọng phần lớn trong cơ cấu giá trị kinh tế Liên Xô..

D. Tốc độ tăng trưởng kinh tế âm.

Câu 2. Vào cuối thập niên 80 của thế kỷ XX, so với toàn Liên Xô, tỉ trọng các ngành công nghiệp của Liên bang Nga chiếm trên 80% là

- A. than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên. B. dầu mỏ, khí tự nhiên, điện.
 C. khí tự nhiên, điện, thép. **D. Dầu mỏ, khí tự nhiên, gỗ-giấy và xenlulô.**

Câu 3. Nhận định đúng nhất về thành tựu sau năm 2000 của nền kinh tế Liên bang Nga là

- A. Thanh toán xong các khoản nợ nước ngoài.
B. kinh tế Liên bang Nga đã vượt qua khủng hoảng, đang trong thế ổn định và đi lên.
 C. Liên bang Nga nằm trong nhóm nước có nền công nghiệp hàng đầu thế giới (G8).
 D. Sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội ngày càng lớn.

Câu 4. Cho bảng số liệu về tốc độ tăng trưởng GDP của LB Nga qua các năm (%)

Năm	1990	1995	1997	1998	1999	2000	2003	2004	2005
%	-3,6	-4,1	0,9	-4,9	5,4	10,0	7,3	7,2	6,4

Nhận xét *không* đúng về tình hình tăng trưởng GDP của Liên bang Nga thời kỳ 1990-2005 là

- A. giai đoạn 1990-1998 liên tục tăng trưởng âm.**
 B. giai đoạn 1999-2005 liên tục tăng trưởng ở mức cao.
 C. GDP tụt giảm mạnh nhất vào năm 1998.
 D. GDP tăng trưởng cao nhất vào năm 2000.

Câu 5. Năm 2000 tốc độ tăng trưởng GDP của nước Nga đạt

A. 8% B. 9% **C. 10%** D. 11%

Câu 6. Trong thời kỳ 1990-1998 chỉ có một năm duy nhất nền kinh tế nước Nga đạt giá trị tăng trưởng dương và tăng 0,9% là

A. năm 1995. B. năm 1996. **C. năm 1997.** D. năm 1998.

Câu 7. Ngành công nghiệp được coi là ngành kinh tế mũi nhọn của Liên bang Nga, hàng năm mang lại nguồn thu ngoại tệ lớn là

A. công nghiệp khai thác dầu khí. B. công nghiệp khai thác than.
C. công nghiệp điện lực. D. công nghiệp luyện kim.

Câu 8. Trong thời kỳ 1995-2005, ngành công nghiệp của nước Nga không tăng liên tục và còn biến động là

A. dầu mỏ. B. than. **C. điện.** D. giấy.

Câu 9. Trong các ngành công nghiệp sau, ngành được coi là thế mạnh của Liên bang Nga là

A. công nghiệp luyện kim. B. công nghiệp chế tạo máy.
C. công nghiệp quân sự. D. công nghiệp chế biến thực phẩm.

Câu 10. Hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu của Liên bang Nga là

A. cây ăn quả và rau .
B. sản phẩm cây công nghiệp.
C. sản phẩm chăn nuôi.
D. lương thực.

Câu 11. Rừng của Liên bang Nga phân bố tập trung ở

A. phần lãnh thổ phía Tây. B. vùng núi U-ran.
C. phần lãnh thổ phía Đông. D. Đồng bằng Tây Xi bía.

Câu 12. Đóng vai trò quan trọng nhất để phát triển kinh tế vùng Đông Xibia của nước Nga thuộc về loại hình vận tải

A. đường ô tô. B. đường sông. **C. đường sắt.** D. đường biển.

Câu 13. Nhận xét không chính xác về ngành giao thông vận tải của Liên bang Nga là

A. Liên bang Nga có hệ thống giao thông vận tải tương đối phát triển với đủ các loại hình.
B. vai trò quan trọng trong phát triển vùng đông Xi bía thuộc về hệ thống vận tải đường ô tô.
C. thủ đô Mátcova nổi tiếng thế giới về hệ thống đường xe điện ngầm.
D. gần đây nhiều hệ thống đường giao thông được nâng cấp, mở rộng.

Câu 14. Vùng kinh tế quan trọng tập trung nhiều ngành công nghiệp và cung cấp lương thực, thực phẩm lớn của Liên bang Nga là

A. Vùng Trung ương. B. Vùng Trung tâm đất đen. C. Vùng Uran.
D. Vùng Viễn Đông.

Câu 15. Kim ngạch buôn bán hai chiều Nga-Việt vào năm 2005 đạt

A. 1,1 tỉ USD. B. 1,2 tỉ USD. C. 1,3 tỉ USD. D. 1,4 tỉ USD.

Câu 16. Diện tích tự nhiên của Nhật Bản là

A. 338 nghìn km². **B. 378 nghìn km².**
C. 387 nghìn km². D. 738 nghìn km².

Câu 17. Bốn đảo lớn của Nhật Bản xếp theo thứ tự từ lớn đến nhỏ về diện tích là

A. Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư, Kiu-xiu. **B. Hôn-su, Hô-cai-đô, Kiu-xiu, Xi-cô-cư.**
C. Kiu-xiu, Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư. D. Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư, Kiu-xiu.

Câu 18. Tốc độ gia tăng dân số hàng năm của Nhật Bản thấp sẽ *không* dẫn đến hệ quả là

A. Thiếu nguồn lao động trong tương lai.
B. Tỷ lệ người già trong xã hội ngày càng tăng.
C. Tỷ lệ trẻ em ngày càng giảm.

D. thừa lao động trong tương lai.

Câu 19. Năng xuất lao động xã hội ở Nhật Bản cao là do người lao động Nhật Bản

- A. Luôn độc lập suy nghĩ và sáng tạo trong lao động.
- B. Làm việc tích cực vì sự hùng mạnh của đất nước.
- C. Thường xuyên làm việc tăng ca và tăng cường độ lao động.

D. Làm việc tích cực, tự giác, tinh thần trách nhiệm cao.

Câu 20. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Nhật Bản đã nhanh chóng được phục hồi và đạt ngang mức trước chiến tranh vào năm

- A. 1950
- B. 1951
- C. 1952**
- D. 1953

Câu 21. Trong thời gian từ 1950 đến 1973, nền kinh tế Nhật Bản phát triển với tốc độ cao nhất vào giai đoạn

- A. 1950 - 1954.**
- B. 1955 - 1959.
- C. 1960 - 1964.
- D. 1965 - 1973.

Câu 22. Chiếm khoảng 40% giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản đó là ngành

- A. Công nghiệp chế tạo.**
- B. Công nghiệp sản xuất điện tử,
- C. Công nghiệp công nghiệp xây dựng và công trình công cộng.
- D. Công nghiệp dệt, vải các loại, sợi.

Câu 23. Ngành công nghiệp của Nhật Bản chiếm khoảng 41% sản lượng xuất khẩu của thế giới là

- A. Ô tô.
- B. Tàu biển.**
- C. Xe gắn máy.
- D. Sản phẩm tin học.

Câu 24. Ngành công nghiệp của Nhật Bản chiếm khoảng 25% sản lượng của thế giới và xuất khẩu 45% số sản phẩm là ra là

- A. Tàu biển.
- B. Ô tô.**
- C. Rô bốt (người máy).
- D. Sản phẩm tin học.

Câu 25. Sản phẩm công nghiệp của Nhật Bản chiếm khoảng 60% sản lượng của thế giới và xuất khẩu 50% sản lượng làm ra đó là

- A. Tàu biển.
- B. Ô tô.
- C. Xe gắn máy.**
- D. Sản phẩm tin học.

Câu 26. Ngành công nghiệp được coi là khởi nguồn của nền công nghiệp Nhật Bản ở thế kỷ XIX, vẫn được duy trì và phát triển là ngành

- A. công nghiệp dệt.**
- B. công nghiệp chế tạo máy.
- C. công nghiệp sản xuất điện tử.
- D. công nghiệp đóng tàu biển.

Câu 27. Trong các ngành dịch vụ của Nhật Bản, hai ngành có vai trò hết sức to lớn là

- A. thương mại và du lịch.
- B. thương mại và tài chính.**
- C. tài chính và du lịch.
- d. tài chính và giao thông vận tải.

Câu 28. Về thương mại, Nhật Bản đứng hàng

- A. thứ hai thế giới.
- B. thứ ba thế giới.
- C. thứ tư thế giới.**
- D. thứ năm thế giới

II/ TỰ LUẬN

Cho bảng số liệu sau :

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU CỦA NHẬT BẢN GIAI ĐOẠN 1990-2010

Đơn vị: tỉ

USD

Năm	1990	2000	2005	2010
XUẤT KHẨU	319,3	514,6	654,4	833,7
NHẬP KHẨU	291,1	446,1	590,0	768,0

1/ Vẽ biểu đồ cột thể hiện giá trị xuất khẩu và giá trị nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 1990-

2010.

2/ Nhận xét

uigeli.xyz ĐỀ 5	ĐỀ THI HỌC KỲ II Môn: Đại Lí Lớp 11 <i>Thời gian: 45 phút</i>
---------------------------	---

Câu 1(2,0 điểm): Trình bày đặc điểm dân cư của Nhật Bản. Về điều kiện tự nhiên của Nhật Bản có những thuận lợi và khó khăn gì trong phát triển kinh tế?

Câu 2(3,0 điểm): Nêu đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa. Ngành công nghiệp ở khu vực Đông Nam Á đang phát triển theo hướng như thế nào?

Câu 3(2,0 điểm): Trong phát triển kinh tế - xã hội, ASEAN đã đạt được những thành tựu gì? Vì sao ở khu vực Đông Nam Á phát triển mạnh cây công nghiệp lâu năm (Cà phê, cao su, hồ tiêu,...)?

Câu 4(3,0 điểm):

Cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc

(Đơn vị: %)

Năm	1985	2004
Xuất khẩu	39,3	51,4
Nhập khẩu	60,7	48,6

a/ Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc năm 1985 và 2004.

b/ Nhận xét sự thay đổi trong cơ cấu xuất, nhập khẩu của Trung Quốc.

HẾT

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN: ĐỊA LÝ

<p>Câu 1: Trình bày đặc điểm dân cư của Nhật Bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là nước đông dân, cơ cấu dân số già. - Phân bố dân cư tập trung chủ yếu ở các thành phố ven biển. - Người lao động cần cù, làm việc tích cực với ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm cao. <p>*Về điều kiện tự nhiên của Nhật Bản có những thuận lợi và khó khăn gì trong phát triển kinh tế?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuận lợi: phát triển nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, thủy điện, lâm nghiệp. - Khó khăn: thiếu nguyên liệu phát triển công nghiệp, đất canh tác ít, nhiều thiên tai,... 	<p>0.25đ 0.25đ 0.5đ 0.5đ 0.5đ</p>
<p>Câu 2: Nêu đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi chạy dài theo hướng Tây Bắc – Đông Nam hoặc hướng Bắc Nam, có các đồng bằng phù sa màu mỡ. - Khí hậu: nhiệt đới gió mùa. - Sông ngòi dày đặc, dồi dào nước. - Sinh vật rừng nhiệt đới phát triển mạnh. - Đất phong phú: đất feralit, đất phù sa. - Khoáng sản phong phú: sắt, than đá, dầu mỏ,.... <p>*Ngành công nghiệp ở khu vực Đông Nam Á đang phát triển theo hướng như thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài. - Hiện đại hóa thiết bị, chuyển giao công nghệ và đào tạo kỹ thuật cho người lao động. - Chú trọng sản xuất các mặt hàng xuất khẩu. 	<p>0.5đ 0.25đ 0.25đ 0.25đ 0.25đ 0.5đ 0.25đ 0.5đ 0.25đ</p>
<p>Câu 3: Trong phát triển kinh tế - xã hội, ASEAN đã đạt được những thành tựu gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 10/11 quốc gia trong khu vực trở thành thành viên của ASEAN. - Tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước trong khu vực khá cao. - Đời sống nhân dân được cải thiện, hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển theo hướng hiện đại hóa. - Tạo dựng được một môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực. <p>*Vì sao ở khu vực Đông Nam Á phát triển mạnh cây công nghiệp lâu năm (Cà phê, cao su, hồ tiêu,...)?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do có địa hình đồi núi, nhóm đất feralit và đất badan màu mỡ, khí hậu nhiệt đới gió mùa và khí hậu xích đạo, người dân có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất. 	<p>0.25đ 0.25đ 0.25đ 0.25đ 1.0đ</p>
<p>Câu 4: a/ Vẽ biểu đồ tròn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ biểu đồ đúng, chính xác. - Thiếu tên biểu đồ. - Thiếu chú thích. - Không ghi số liệu vào biểu đồ. - Chia sai tỉ lệ mỗi yếu tố. - Chia sai bán kính chuẩn không chấm điểm biểu đồ (tia 12h). <p>b/ Nhận xét:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc từ năm 1985 – 2004 có sự thay đổi: Tỉ trọng xuất khẩu có xu hướng tăng (tăng 12,1%), tỉ trọng nhập khẩu có xu hướng giảm (giảm 12,1%) - Năm 1985, Trung Quốc là nước nhập siêu. Năm 2004, Trung Quốc là nước xuất siêu. - Thiếu dẫn chứng số liệu. 	<p>2.0đ -0.25đ -0.25đ -0.25đ -0.25đ 0.75đ 0.25đ -0.25đ</p>

Thời gian: 45 phút

Câu 1 : (3,0 điểm)

- a. Trình bày tình hình phát triển nông nghiệp của Liên bang Nga.(1,0 điểm)
- b. Phân tích nguyên nhân chủ yếu giúp nền kinh tế LB Nga phát triển sau năm 2000? .(1,0 điểm)
- c. LB Nga đã và đang hợp tác với Việt Nam trong những lĩnh vực nào? Những ngành công nghiệp nào? .(1,0 điểm)

Câu 2 : (4,0 điểm)

- a. Trình bày tình hình phát triển kinh tế Nhật Bản.(2,0 điểm)
- b. Chứng minh rằng Nhật Bản có nền công nghiệp phát triển cao. (2,0 điểm)

Câu 3 : (3,0 điểm) Cho bảng số liệu :

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 1995-

2010

Năm	Tổng số dân(triệu người)	Tỉ lệ gia tăng dân số(%)
1995	1211,2	1,1
2000	1267,4	0,8
2008	1328,0	0,5
2010	1340,9	0,5

- a. Vẽ biểu đồ kết hợp thể hiện tình hình phát triển dân số Trung Quốc trong giai đoạn 1995-2010 (2,0 điểm)
- b. Nhận xét tình hình phát triển dân số Trung Quốc trong giai đoạn 1995-2010 (1,0 điểm)

**Ghi chú : Học sinh không được sử dụng tài liệu.*

-----Hết-----

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM GIỮA HỌC KÌ II - MÔN ĐỊA LÍ -KHỐI 11

Câu	Nội dung	Điểm
1 (3,0đ)	a. Trình bày tình hình phát triển nông nghiệp của Liên bang Nga.	2,0đ
	- Quỹ đất lớn(d/c) có khả năng trồng nhiều loại cây và phát triển chăn nuôi.	0,25
	- Sản xuất lương thực đạt 78,2 triệu tấn và XK trên 10 tr tấn(2005), tập trung chủ yếu ở ĐB Đông Âu và miền Nam của ĐB Tây Xi-bia.	0,5
	- Cây trồng khác : cây Cn, cây ăn quả, rau...	0,25
	b. Phân tích nguyên nhân chủ yếu giúp nền kinh tế LB Nga phát triển sau năm 2000	1,0

	<ul style="list-style-type: none"> - Có sự thay đổi nhân sự. - Có chính sách đường lối đúng, phù hợp với trong nước và quốc tế. - Lấy lại được niềm tin của nhân dân. - Hoàn cảnh kinh tế quốc tế thuận lợi.(giá dầu tăng cao) mà dầu mỏ là ngành mũi nhọn của LBN. giá nguyên liệu thô tăng. 	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>1,0</p>
	<p>c. Hợp tác LBN và VN</p> <p>*Hợp tác diễn ra trên nhiều mặt, toàn diện : kinh tế, đầu tư, khoa học, giáo dụcb đào tạo, các ngành công nghệ cao, năng lượng, nguyên tử, du lịch...</p> <p>* LB Nga đã và đang hợp tác với Việt Nam trong những ngành công nghiệp.</p> <p>- Trước đây :Thủy điện (Hòa Bình), cơ khí, hóa chất, khai thác khoáng sản.</p> <p>- Hiện nay : khai thác dầu khí....</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
2 (4,0đ)	<p>a. Trình bày tình hình phát triển kinh tế Nhật Bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau chiến tranh TG thứ, nền KT bị suy sụp nghiêm trọng. Đến 1952, nền KT khôi phục ngang mức trước chiến tranh và pt với tốc độ cao trong giai đoạn 1955-1973. - Nguyên nhân chủ yếu : chú trọng đầu tư hiện đại hóa Cn, tăng vốn, gắn liền với áp dụng kĩ thuật mới, tập trung cao độ pt các ngành then chốt, có trọng điểm theo từng giai đoạn ; duy trì cơ cấu KT hai tầng... - Những năm 1973-1974 và 1979-1980, do khủng hoảng dầu mỏ tốc độ tăng trưởng nền KT giảm xuống. Nhờ điều chỉnh chiến lược pt nên đến những năm 1986-1990, tốc độ tăng GDP tb đạt 5,3% - Từ năm 1991, tốc độ tăng trưởng KT đã chậm lại. - Hiện nay, NB đứng thứ 2 TG sau HK. 	<p>2,0</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
	<p>b. Chứng minh rằng Nhật Bản có nền nông nghiệp phát triển cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sản lượng CN đứng thứ 2TG - Chiếm vị trí hàng đầu TG về máy CN và thiết bị điện tử, người máy, tàu biển,thép, ô tô, vô tuyến truyền hình, máy ảnh, sản phẩm tơ tằm, tơ sợi tổng hợp... - Một số ngành chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu CN : chế tạo,XS điện tử, xây dựng, công trình công cộng...(số liệu cm) 	<p>2,0</p> <p>0,25</p> <p>0,75</p> <p>1,0</p>
3 (3,0đ)	<p>b.Vẽ biểu đồ : cột, đường, đủ, đẹp.....</p> <p>Yêu cầu vẽ đúng, đủ,đẹp... (nếu sai 1 lỗi trừ 0,25 điểm)</p>	<p>2,0</p>
	<p>c.Nhận xét : Giai đoạn 1995-2010</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số dân tăng liên tục, tăng ?người ? lần .(d/c) 	<p>1,0</p> <p>0,25</p>

	- Số dân thành thị trong tổng số dân(d/c)	0,25
	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ? (d/c)	0,25
	=>KL : tỉ lệ tăng DS tự nhiên giảm, nhưng số dân tăng hàng năm vẫn cao. Cần phải có biện pháp giảm tỉ lệ tăng dân số.	0,25
Tổng	Câu 1 + Câu 2 + Câu 3	10,0

uigeli.xyz ĐỀ 7	ĐỀ THI HỌC KỲ II Môn: Đại Lí Lớp 11 <i>Thời gian: 45 phút</i>
----------------------------------	---

Câu 1: Tốc độ gia tăng dân số của Nhật Bản hiện ở mức

- A.** 0,5%/năm. **B.** 0,1%/năm.
- C.** 1,0%/năm. **D.** 1,5%/năm.

Câu 2: Ngành vận tải biển của Nhật Bản phát triển mạnh chủ yếu là do

- A.** ngành đánh bắt hải sản phát triển.
- B.** vị trí địa lí và đặc điểm lãnh thổ.
- C.** số dân đông, nhu cầu giao lưu lớn.
- D.** công nghiệp cơ khí phát triển từ lâu đời.

Câu 3: Phát biểu nào sau đây **không đúng** với sản xuất lúa gạo ở Nhật Bản?

- A.** Là cây trồng chính của nông nghiệp Nhật Bản.
- B.** Một số diện tích lúa chuyển sang trồng các cây khác.
- C.** Chiếm 50% diện tích đất canh tác.
- D.** Sản lượng lúa đứng vào loại hàng đầu thế giới.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây **không đúng** với công nghiệp Nhật Bản?

- A.** Có vị trí cao trên thế giới về sản xuất thiết bị điện tử.
- B.** Sản xuất nhiều tàu biển, người máy, ô tô, ti vi...
- C.** Có sự phân bố rộng khắp và đồng đều trên lãnh thổ.
- D.** Giá trị sản xuất công nghiệp đứng thứ hai thế giới.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây **không đúng** với đất nước Trung Quốc?

- A. Có qui mô diện tích rộng lớn hàng đầu thế giới.**

- B.** Trải dài từ khoảng 20° Bắc tới 53° Bắc.
- C.** Có miền duyên hải rộng lớn với đường bờ biển dài.
- D.** Biên giới với các nước chủ yếu núi cao, hoang mạc.

Câu 6: Lãnh thổ Trung Quốc rộng lớn tiếp giáp với

- A.** 14 nước. **B.** 16 nước.
- C.** 13 nước. **D.** 15 nước.

Câu 7: Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng với ngành dịch vụ của Nhật Bản?

1- Đứng hàng thứ tư thế giới về thương mại; 2- Ngành giao thông vận tải biển có vị trí đặc biệt quan trọng; 3- Ngành tài chính, ngân hàng đứng hàng đầu thế giới; 4- Hoạt động đầu tư ra nước ngoài ngày càng phát triển.

- A.** 1. **B.** 3. **C.** 2. **D.** 4.

Câu 8: Những năm 1973 - 1974 và 1979 - 1980 tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Nhật Bản giảm sút mạnh là do

- A.** sức mua thị trường trong nước giảm.
- B.** khủng hoảng dầu mỏ trên thế giới.
- C.** khủng hoảng tài chính trên thế giới.
- D.** thiên tai động đất, sóng thần xảy ra nhiều.

Câu 9: Một đặc điểm lớn của địa hình Trung Quốc là

- A.** thấp dần từ bắc xuống nam. **B.** cao dần từ bắc đến nam.
- C.** thấp dần từ tây sang đông. **D.** cao dần từ tây sang đông.

Câu 10: Sản phẩm nào sau đây của Nhật Bản **không phải** do công nghiệp chế tạo sản xuất?

- A.** Xe máy. **B.** Rôbốt. **C.** Ô tô. **D.** Tàu biển.

Câu 11: Nhật Bản **không phải** là một đất nước

- A.** giàu có tài nguyên khoáng sản.
- B.** quần đảo, trải ra hình vòng cung.
- C.** có hàng ngàn đảo nhỏ gần bờ.
- D.** có 4 đảo lớn từ bắc xuống nam.

Câu 12: Khí hậu phía nam Nhật Bản phân biệt với khí hậu phía bắc bởi

- A.** mùa đông kéo dài, lạnh.
- B.** nhiệt độ thấp và ít mưa.
- C.** mùa hạ nóng, mưa to và bão.

D. có nhiều tuyết về mùa đông.

Câu 13: Đánh bắt hải sản được coi là ngành quan trọng của Nhật Bản vì

A. nhu cầu lớn về nguyên liệu cho chế biến thực phẩm.

B. ngành này không đòi hỏi cao về trình độ.

C. ngành này cần vốn đầu tư ít, năng suất và hiệu quả cao.

D. Nhật Bản được bao bọc bởi biển và đại dương, gần các ngư trường lớn và cá là thực phẩm chính.

Câu 14: Các trung tâm công nghiệp rất lớn của Nhật Bản tập trung nhiều nhất ở đảo nào?

A. Xi-cô-cư.

B. Hôn-su.

C. Hô-cai-đô.

D. Kiu-xiu.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây **không đúng** với nông nghiệp Nhật Bản?

A. Phương pháp chăn nuôi tiên tiến.

B. Chú trọng năng suất, chất lượng sản phẩm.

C. Chiếm tỉ trọng rất lớn trong GDP.

D. Phát triển theo hướng thâm canh.

Câu 16: Ngành công nghiệp mũi nhọn hiện nay của Nhật Bản?

A. Chế tạo.

B. Dệt.

C. Xây dựng.

D. Điện tử.

Câu 17: Diện tích tự nhiên của Nhật Bản là

A. 387 nghìn km².

B. 378 nghìn km².

C. 338 nghìn km².

D. 738 nghìn km².

Câu 18: Nhận xét **không đúng** về một số đặc điểm tự nhiên của Nhật Bản là

A. có nhiều thiên tai như: động đất, núi lửa, sóng thần, bão.

B. phía bắc có khí hậu ôn đới, phía nam có khí hậu cận nhiệt.

C. nằm trong khu vực khí hậu gió mùa, ít mưa.

D. vùng biển Nhật Bản có các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau.

Câu 19: Miền Tây Trung Quốc **không phải** là nơi có

A. các đồng bằng châu thổ rộng lớn.

B. nhiều khoáng sản và đồng cỏ rộng.

C. thượng nguồn của các sông lớn.

D. các dãy núi, cao nguyên, bồn địa.

Câu 20: Do nghèo tài nguyên khoáng sản, nên Nhật Bản chú trọng phát triển các ngành công nghiệp đòi hỏi nhiều

A. đầu tư vốn của các nước khác.

B. nguyên, nhiên liệu nhập khẩu.

C. lao động trình độ phổ thông.

D. tri thức, khoa học- kĩ thuật.

Câu 21: Hiện nay, Nhật Bản đứng đầu thế giới về

A. viện trợ phát triển chính thức (ODA).

B. giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa.

C. xuất khẩu sản phẩm của nông nghiệp.

D. thương mại với các nước ở châu Á.

Câu 22: Cho bảng số liệu: Sản lượng cá khai thác

(đơn vị: nghìn tấn)

Năm	1985	1990	1995	2000	2001	2003
Sản lượng	11411,4	10356,4	6788,0	4988,2	4712,8	4596,2

Qua bảng số liệu trên, nhận xét đúng về sản lượng khai thác cá của Nhật Bản trong thời kỳ 1985-2003 là

A. sản lượng cá liên tục giảm mạnh.

B. sản lượng cá tăng liên tục nhưng còn tăng chậm.

C. sản lượng cá giảm mạnh và có biến động.

D. sản lượng cá tăng nhưng còn biến động.

Câu 23: Cho bảng số liệu: Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản

(đơn vị: %)

Năm	1990	1995	1997	1999	2001	2003	2005
Tăng GDP	5,1	1,5	1,9	0,8	0,4	2,7	2,5

Nhận xét đúng về tốc độ tăng trưởng GDP của nền kinh tế Nhật Bản từ sau năm 1991 là

A. tăng trưởng cao nhưng còn biến động.

B. tăng trưởng chậm lại nhưng vẫn ở mức cao.

C. tăng trưởng chậm lại, có biến động và ở mức thấp.

D. tăng trưởng ổn định và luôn ở mức cao.

Câu 24: Trong các ý sau, có bao nhiêu ý đúng với thiên nhiên Nhật Bản?

1- Có nhiều đảo và quần đảo; 2- Nghèo tài nguyên khoáng sản; 3- Có khí hậu gió mùa; 4- Có nhiều núi lửa, động đất.

A. 1. **B. 2.** **C. 3.** **D. 4.**

113	1B
113	2B
113	3D
113	4C
113	5A
113	6A
113	7D
113	8B
113	9C
113	10B
113	11A
113	12C
113	13D
113	14B
113	15C
113	16D
113	17B
113	18C
113	19A
113	20D
113	21A
113	22A
113	23C
113	24D

Câu 1: Điều kiện thuận lợi nhất để Tây Nguyên trở thành vùng chuyên cây công nghiệp lâu năm quy mô lớn ở nước ta là

- A. người dân có truyền thống và kinh nghiệm trong sản xuất cây công nghiệp lâu năm.
- B. nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước tăng nhanh, chính sách đầu tư của nhà nước.
- C. có đất ba dạn màu mỡ, tầng phong hóa sâu, phân bố tập trung trên bề mặt cao nguyên rộng lớn bằng phẳng.
- D. cơ sở hạ tầng và mạng lưới giao thông vận tải đang được đầu tư ngày càng hiện đại.

Câu 2: Nhà máy thủy điện Yaly nằm trên sông nào?

- A. Sông Xê Xan.
- B. Sông Đồng Nai.
- C. Sông Ba.
- D. Sông Xrê Pôk.

Câu 3: Sự khác biệt về thế mạnh phát triển tổng hợp kinh tế biển giữa vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ được thể hiện rõ nhất trong các ngành

- A. khai thác khoáng sản, cảng biển.
- B. du lịch, khai thác khoáng sản.
- C. ngư nghiệp, cảng biển.
- D. du lịch, ngư nghiệp.

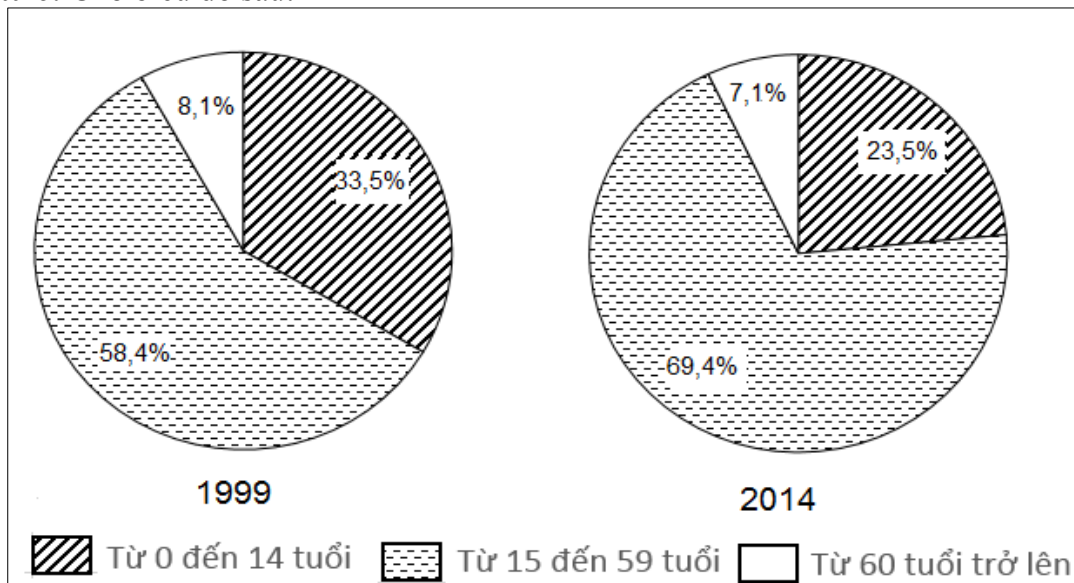
Câu 4: Nguyên nhân quan trọng nhất tạo nên sự khác nhau về cơ cấu cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi gia súc giữa vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên là

- A. địa hình, khí hậu và nguồn nước.
- B. địa hình, đất và khí hậu
- C. đất, địa hình và nguồn nước.
- D. trình độ thâm canh và cơ sở hạ tầng.

Câu 5: Địa phương nào dưới đây **không** giáp tỉnh Hải Dương?

- A. Hải Phòng.
- B. Bắc Giang
- C. Hà Nội.
- D. Quảng Ninh.

Câu 6: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Sự thay đổi cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi năm 1999 và 2014.
- B. Cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi năm 1999 và 2014.
- C. Tốc độ tăng trưởng dân số phân theo nhóm tuổi năm 1999 và 2014.

D. Tình hình dân số phân theo nhóm tuổi năm 1999 và 2014.

Câu 7: Ý nghĩa quan trọng nhất của việc phát triển kinh tế các đảo, quần đảo là

- A. góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, duy trì đa dạng sinh học.
- B. tạo thêm việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.
- C. tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thế phát triển kinh tế liên hoàn.
- D. khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa quanh đảo.

Câu 8: Nhận định nào sau đây **không đúng** với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ ?

- A. Là vùng lãnh thổ có diện tích lớn nhất cả nước
- B. Là vùng đông dân và có trữ lượng than nâu lớn nhất cả nước.
- C. Là vùng có các cửa khẩu quốc tế lớn nhất cả nước.
- D. Là vùng có nhiều tỉnh, thành phố thuộc Trung ương nhất cả nước.

Câu 9: Cho bảng số liệu: GDP CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ (Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	Tổng số	Nông-lâm-thủy sản	Công nghiệp-xây dựng	Dịch vụ
2000	441646	108356	162220	171070
2010	1887082	396576	693351	797155
2014	3541828	696696	1307935	1537197

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Để thể hiện quy mô GDP của nước ta phân theo khu vực kinh tế giai đoạn 2000 – 2014, biểu đồ nào thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Đường
- C. Tròn
- D. Cột chồng

Câu 10: Phương hướng trọng tâm trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở đồng bằng sông Hồng là

- A. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi.
- B. đẩy mạnh phát triển ngành du lịch và các ngành dịch vụ.
- C. đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.
- D. phát triển và hiện đại hóa công nghiệp chế biến, các ngành công nghiệp khác và dịch vụ gắn với yêu cầu phát triển nền nông nghiệp hàng hóa.

Câu 11: Nhận định nào sau đây **đúng** về biển Đông nước ta?

- A. Là yếu tố quy định khí hậu nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa.
- B. Có diện tích khoảng 3,477 triệu km².
- C. Tiếp giáp với vùng biển của các nước Đông Nam Á và Trung Quốc.
- D. Là lợi thế quan trọng để nước ta đẩy mạnh giao lưu hợp tác quốc tế.

Câu 12: Ý nghĩa quan trọng nhất của việc hình thành cơ cấu kinh tế nông-lâm-ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.
- B. góp phần chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế, bảo vệ môi trường.
- C. tăng cường các mối giao lưu với các quốc gia và vùng kinh tế lân cận.
- D. góp phần tạo ra cơ cấu ngành, tạo thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian lãnh thổ.

Câu 13: Thế mạnh để phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm và sản xuất vật liệu xây dựng ở vùng đồng bằng sông Hồng là

- A. đất và nước.
- B. biển và khoáng sản.
- C. cơ sở hạ tầng và đất.
- D. dân cư, lao động và nước.

Câu 14: Các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ, đất cát pha thuận lợi cho phát triển

- A. cây công nghiệp lâu năm.
- B. chuyên canh cây rau đậu.

C. chuyên canh cây lúa nước.

D. cây công nghiệp hàng năm.

Câu 15: Cho bảng số liệu: Sản lượng lúa và ngô của nước ta giai đoạn 2000-2015 (Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2000	2005	2010	2015
Lúa	32.529	35.832	40.005	45.215
Ngô	2.005	3.787	4.625	5.281

Chọn biểu đồ thích hợp nhất thể sản lượng lúa và ngô giai đoạn 2000-2015 ?

A. Biểu đồ cột

B. Biểu đồ tròn

C. Biểu đồ đường

D. Biểu đồ kết

hợp

Câu 16: Khó khăn lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ là

A. diện tích đất mặn, đất phèn lớn, rừng đang bị suy giảm nghiêm trọng.

B. tài nguyên khoáng sản còn nghèo, cơ cấu khoáng sản không đa dạng

C. mùa khô kéo dài 4-5 tháng nên thường xuyên xảy ra tình trạng thiếu nước cho cây trồng, cho sinh hoạt dân cư và cho công nghiệp.

D. dân số tập trung quá đông, hệ thống cơ sở hạ tầng còn lạc hậu.

Câu 17: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** về ngành thủy sản nước ta năm 2007?

A. Thanh Hóa, Nghệ An là các tỉnh có ngành thủy sản đứng đầu vùng Bắc Trung Bộ.

B. An Giang là tỉnh có sản lượng nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước.

C. Bà Rịa- Vũng Tàu là tỉnh có sản lượng khai thác thủy sản đứng đầu Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Kiên Giang là tỉnh có sản lượng khai thác thủy sản lớn nhất cả nước.

Câu 18: Mỏ thiếc Tĩnh Túc thuộc tỉnh

A. Cao Bằng.

B. Yên Bái.

C. Hà Giang.

D. Bắc Kạn.

Câu 19: Ngành có tác động mạnh mẽ đến cơ cấu kinh tế và sự phân hóa lãnh thổ kinh tế của vùng Đông Nam Bộ là

A. dịch vụ.

B. công nghiệp cơ khí chế tạo.

C. công nghiệp điện tử tin học.

D. công nghiệp dầu khí.

Câu 20: Điều kiện thuận lợi để vùng Duyên hải Nam Trung Bộ xây dựng các cảng nước sâu là

A. có hệ thống núi ăn lan ra sát biển.

B. có nhiều vũng vịnh nước sâu kín gió.

C. lãnh thổ hẹp ngang và tất cả các tỉnh đều giáp biển.

D. có nhiều khu công nghiệp và khu chế xuất.

Câu 21: Vấn đề khó khăn nhất đối với sự phát triển công nghiệp vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. Hệ thống cơ nhiên liệu, năng lượng chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển.

B. Lao động còn thiếu, trình độ nhân công thấp.

C. Hệ thống hệ thống mạng lưới giao thông còn chưa được quan tâm đầu tư đúng mức.

D. Tình trạng hạn hán, sạt lở bờ biển diễn ra ngày càng nghiêm trọng.

Câu 22: Tỉnh có diện tích tự nhiên lớn nhất vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. Quảng Nam.

B. Quảng Ngãi

C. Bình Thuận.

D. Phú Yên.

Câu 23: Cho bảng số liệu sau: Diện tích và dân số các vùng trên cả nước năm 2015

Vùng	Diện tích (km ²)	Dân số (nghìn người)
------	---------------------------------	-------------------------

Đồng bằng sông Hồng	21060,0	20925,5
Trung du và miền núi Bắc Bộ	95266,8	11803,7
Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ	95832,4	19658,0
Tây Nguyên	54641,0	5607,9
Đông Nam Bộ	23590,7	16127,8
Đồng bằng sông Cửu Long	40576,0	17590,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Nhận xét nào sau đây **không đúng** về mật độ dân số của các vùng nước ta năm 2015?

- A. Mật độ dân số của đồng bằng sông Cửu Long thấp hơn đồng bằng sông Hồng
- B. Mật độ dân số của Đông Nam Bộ cao hơn đồng bằng sông Hồng.
- C. Mật độ dân số của Trung du và miền núi Bắc Bộ cao hơn Tây Nguyên
- D. Mật độ dân số của Bắc Trung Bộ cao hơn Trung du và miền núi Bắc Bộ .

Câu 24: Trong các ngành giao thông vận tải sau đây của nước ta, những ngành nào có ý nghĩa quan trọng đối với vận tải quốc tế?

- A. Đường bộ, đường hàng không.
- B. Đường sắt, đường biển.
- C. Đường biển, đường hàng không.
- D. Đường biển, đường sông.

Câu 25: Tuyến quốc lộ nào dưới đây **không** đi qua tỉnh Hải Dương?

- A. Quốc lộ 3.
- B. Quốc lộ 5.
- C. Quốc lộ 18.
- D. Quốc lộ 37.

Câu 26: Nhận định nào sau đây **không đúng** về ngành giao thông vận tải nước ta?

- A. Mạng lưới giao thông vận tải nước ta phát triển khá toàn diện, gồm nhiều loại hình vận tải khác nhau.
- B. Quốc lộ 1 là tuyến đường xương sống của cả hệ thống đường bộ nước ta, nối hầu hết các vùng kinh tế và các trung tâm kinh tế lớn của cả nước.
- C. Mạng lưới đường sắt bao phủ rộng khắp cả nước trong đó tập trung chủ yếu các tỉnh phía Nam.
- D. Hàng không là ngành non trẻ nhưng có bước tiến rất nhanh nhờ chiến lược phát triển táo bạo, quan tâm hiện đại hóa cơ sở vật chất.

Câu 27: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đất mặn.
- B. đất xám
- C. đất phèn.
- D. đất phù sa ngọt.

Câu 28: Nhận định nào sau đây **không đúng** về ngành thương mại nước ta?

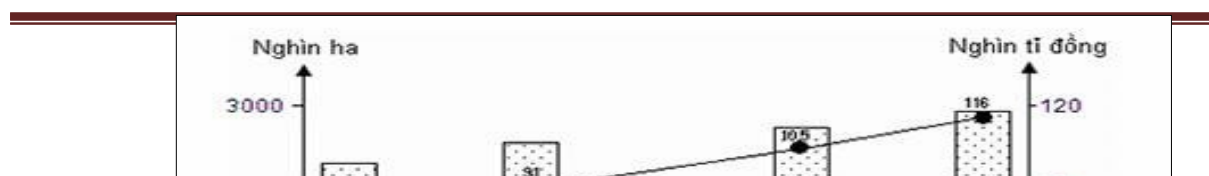
- A. Thị trường hàng hóa trong nước ngày càng đa dạng phong phú, thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.
- B. Cán cân thương mại nước ta chủ yếu xuất siêu.
- C. Kim ngạch xuất nhập khẩu của nước ta tăng liên tục.
- D. Thị trường buôn bán ngày càng mở rộng theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa.

Câu 29: Vấn đề quan trọng hàng đầu trong khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở ngành nông-lâm nghiệp của vùng Đông Nam Bộ là

- A. thay đổi cơ cấu cây trồng.
- B. bảo vệ tài nguyên rừng.
- C. đảm bảo vấn đề năng lượng.
- D. thủy lợi.

Câu 30: Cho biểu đồ:

DIỆN TÍCH VÀ GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CỦA NGÀNH TRỒNG CÂY CÔNG NGHIỆP NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005-2012



Nhận xét
công nghiệp

- A. Diện tích
B. Diện tích
C. Giá trị



cây

D. Diện tích cây công nghiệp hằng năm nhiều hơn cây lâu năm.

Câu 31: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết Vườn quốc gia nào dưới đây nằm trên các đảo?

- A. Bái Tử Long. B. Xuân Thủy. C. Vũ Quang. D. U Minh Thượng.

Câu 32: Nhận định nào sau đây **đúng** với vùng đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Là vùng có diện tích lớn nhất và gồm nhiều tỉnh, thành phố thuộc Trung ương nhất cả nước.
B. Là vùng có ba mặt giáp biển.
C. Là vùng có nhiều huyện đảo nhất cả nước.
D. Là vùng kinh tế lớn nhất cả nước, có ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm phát triển nhất cả nước.

Câu 33: Khó khăn lớn nhất đối với khả năng mở rộng diện tích và nâng cao năng suất cây công nghiệp, cây đặc sản và cây ăn quả của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. mạng lưới cơ sở công nghiệp chế biến còn thiếu.
B. hiện tượng rét đậm, rét hại, sương muối và tình trạng thiếu nước vào mùa đông.
C. trình độ canh tác của đồng bào dân tộc còn lạc hậu.
D. thị trường tiêu thụ biến động.

Câu 34: Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc cải tạo đất mặn, đất phèn ở vùng đồng bằng sông Cửu Long là

- A. tạo ra các giống lúa chịu mặn, chịu phèn và bảo vệ tài nguyên rừng.
B. thay đổi cơ cấu ngành nông nghiệp và thủy lợi.
C. đảm bảo nước ngọt trong mùa khô và phát triển công nghiệp chế biến.
D. đảm bảo nước ngọt trong mùa khô và thủy lợi.

Câu 35: Tuyến đường Hồ Chí Minh chạy qua Bắc Trung Bộ hoàn thành sẽ có ý nghĩa lớn trong việc

- A. thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các huyện phía tây, hình thành mạng lưới đô thị mới.
B. thúc đẩy sự phát triển kinh tế các huyện phía đông, hình thành mạng lưới đô thị mới.
C. đẩy mạnh thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài đối với vùng đồng bằng ven biển.
D. đẩy mạnh mối giao lưu kinh tế giữa các địa phương trong vùng với nước bạn Lào.

Câu 36: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết tỉ trọng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của khu vực kinh tế ngoài Nhà nước giai đoạn 1995-2007 thay đổi như thế nào?

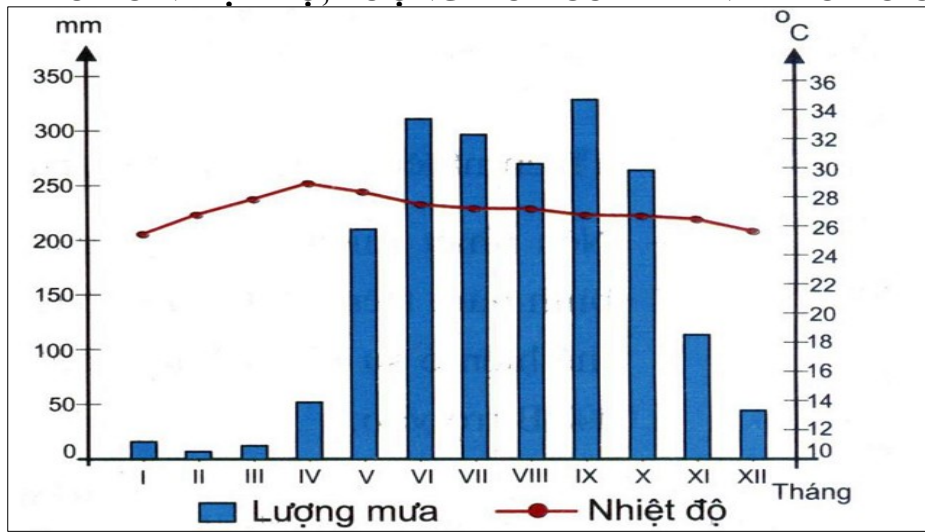
- A. Giảm 8,7 %. B. Tăng 8,7%. C. Tăng 10,2%. D. Tăng 9,3 %.

Câu 37: Sắp xếp các huyện đảo dưới đây theo thứ tự từ Bắc vào Nam:

- A. Cát Hải, Lý Sơn, Cô Tô, Côn Đảo, Phú Quốc.
B. Cát Hải, Phú Quốc, Lý Sơn, Cô Tô, Côn Đảo.
C. Cô Tô, Cát Hải, Lý Sơn, Côn Đảo, Phú Quốc.
D. Lý Sơn, Cô Tô, Côn Đảo, Phú Quốc, Cát Hải.

Câu 38: Cho biểu đồ sau:

BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ, LƯỢNG MƯA CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Nhận xét nào sau đây **không đúng** về nhiệt độ, lượng mưa của Thành phố Hồ Chí Minh?

- A. Nhiệt độ các tháng ít có sự chênh lệch. B. Mưa tập trung chủ yếu vào thu-đông.
C. Lượng mưa tháng II thấp nhất. D. Nhiệt độ tháng IV lớn nhất.

Câu 39: Nhận định nào sau đây **không phải** là ý nghĩa của các nhà máy thủy điện đối với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Góp phần phân bố lại dân cư, lao động, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập người dân.
B. Là cơ sở để phát triển ngành thủy sản, du lịch.
C. Tạo ra sự thay đổi không nhỏ về môi trường sinh thái và cảnh quan tự nhiên.
D. Tạo ra động lực mới cho sự phát triển, tạo tiền đề phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản.

Câu 40: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết lễ hội nào dưới đây **không** thuộc vùng đồng bằng sông Hồng?

- A. Chùa Hương. B. Phủ Giầy C. Đền Hùng D. Cổ Loa

-----HẾT-----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam

do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến năm 2016.

Câu	ĐA
1	C
2	A
3	C
4	B
5	C
6	A
7	D
8	B

9	D
10	D
11	D
12	D
13	B
14	D
15	A
16	C
17	C
18	A
19	D
20	B
21	A
22	A
23	B
24	C
25	A
26	C
27	C
28	B
29	D
30	D
31	A
32	B
33	B
34	D
35	A
36	B
37	C
38	B
39	A
40	C